TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Trí
2. Ông Nguyễn Hoàng Lợi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 718/2017/TB-TLVA ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn C, sinh năm 1992
Địa chỉ: ấp TTh, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp TTh, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(anh C có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 13 tháng 11 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh phát hiện chị H nhắn tin tình cảm với người khác nên anh chị cự cãi lớn tiếng. Đến tháng 9/2017, chị H tự ý về nhà cha mẹ

ruột chị H ở luôn cho đến nay. Anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian qua, anh đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với chị H nhưng không hàn gắn được. Nay, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Quốc Th, sinh ngày 09/9/2014, hiện anh đang nuôi. Nay, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn C.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị Ngọc H tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74/2013 quyển số 01/2013 ngày 15/11/2013. Anh C và chị H chung sống có một con chung tên là Trần Quốc Th, sinh ngày 09/9/2014, không có tài sản chung và nợ chung. Anh C và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C phát hiện chị H nhắn tin tình cảm với người khác nên anh chị cự cãi lớn tiếng. Đến tháng 9/2017, chị H tự ý về nhà cha mẹ ruột chị H ở luôn cho đến nay. Anh C và chị

H đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2.2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị Ngọc H là hợp pháp. Xét thấy, giữa anh C và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu. Mặc dù chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị H cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ. Anh C và chị H không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[2.2.2] Về con chung: Anh Trần Văn C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian anh C và chị H sống ly thân, anh C là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt cho cháu Th. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu Th nên yêu cầu của anh C được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, anh C là người trực tiếp nuôi con, có đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Trần Văn C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc Th sinh ngày 09/9/2014 cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Trần Văn C đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 26647 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc